Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

Báo cáo tài chính hợp nhất

31 tháng 12 năm 2016

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 - 13
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	14 - 66

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

THÔNG TIN CHUNG

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn ("Công ty") là một công ty được thành lập dưới hình thức Tổng Công ty Nhà nước theo Quyết định số 74/2003/QĐ-BCN do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) ban hành ngày 6 tháng 5 năm 2003. Vào ngày 11 tháng 5 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 37/2004/QĐ-BCN tái cơ cấu lại Tổng Công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Hoạt động của Công ty được cấp phép theo Giấy phép kinh doanh số 4106000286 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 9 năm 2006.

Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1862/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh công ty cổ phần số 4103010027 ngày 17 tháng 4 năm 2008. Tại ngày này, Công ty dưới hình thức là công ty cổ phần mới thành lập đã nhận bàn giao toàn bộ tài sản và nợ phải trả từ Công ty Nhà nước.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán "SAB" theo Quyết định niêm yết số 470/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 11 năm 2016.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh số	*Ngày*
0300583659 – Lần thứ nhất	Ngày 29 tháng 2 năm 2012
0300583659 – Lần thứ hai	Ngày 7 tháng 6 năm 2012
0300583659 – Lần thứ ba	Ngày 28 tháng 11 năm 2012
0300583659 – Lần thứ tư	Ngày 29 tháng 1 năm 2016

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và các sản phẩm liên quan, bao gồm nguyên vật liệu và bao bì.

Trụ sở chính	Số 6, Đường Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Văn phòng đại diện	Văn phòng đại diện tại Hà Nội Tầng 6, số 97, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Thanh Hà	Chủ tịch	
Ông Bùi Ngọc Hạnh	Thành viên	
Ông Lê Hồng Xanh	Thành viên	
Ông Nguyễn Bích Đạt	Thành viên	
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên	bổ nhiệm ngày 16 tháng 2 năm 2017
Ông Vũ Quang Hải	Thành viên	miễn nhiệm ngày 16 tháng 2 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đồng Việt Trung	Trưởng Ban	
Ông Hoàng Giang Bình	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 16 tháng 2 năm 2017
Ông Chung Trí Dũng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 16 tháng 2 năm 2017

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Thanh Hà	Tổng Giám đốc	được bổ nhiệm từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 11 tháng 8 năm 2016
Ông Lê Hồng Xanh	Phụ trách Ban Điều hành	được bổ nhiệm từ ngày 12 tháng 8 năm 2016
Ông Vũ Quang Hải	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2016
Ông Nguyễn Minh An	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Võ Thanh Hà.

Ông Lê Hồng Xanh được Ông Võ Thanh Hà ủy quyền để ký báo cáo tài chính kèm theo theo Giấy Ủy quyền ký ngày 12 tháng 8 năm 2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con ("Tổng Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Lê Hồng Xanh
Phụ trách Ban Điều hành
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 9 tháng 3 năm 2017

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Building a better working world

Số tham chiếu: 61285332/18758078/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tổng Công ty") được trình bày từ trang 6 đến trang 66, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Building a better working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 14 tháng 4 năm 2016.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2013-004-1

Nguyễn Thanh Sang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1541-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 9 tháng 3 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (đã được trình bày lại - Thuyết minh số 39)
100	**A.TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**10.714.345.997.642**	**12.198.336.712.046**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***4***	***3.444.825.444.503***	***7.935.974.303.078***
111	1. Tiền		1.067.588.147.827	746.447.038.518
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.377.237.296.676	7.189.527.264.560
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***3.174.321.174.216***	***942.766.940.162***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	3.174.321.174.216	942.766.940.162
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***1.090.133.038.030***	***1.079.602.304.561***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	551.218.730.609	621.220.265.255
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	166.784.656.218	71.471.592.573
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	401.803.944.623	420.538.479.038
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(49.846.178.702)	(53.816.669.649)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý	11	20.171.885.282	20.188.637.344
140	***IV. Hàng tồn kho***	***9***	***2.126.217.402.717***	***1.922.405.062.875***
141	1. Hàng tồn kho		2.171.045.269.254	1.960.525.998.246
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(44.827.866.537)	(38.120.935.371)
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***878.848.938.176***	***317.588.101.370***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	67.695.049.694	128.076.322.684
152	2. Thuế Giá trị gia tăng được khấu trừ		133.496.752.127	70.979.568.404
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	677.657.136.355	118.475.310.282
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	56.900.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (đã được trình bày lại - Thuyết minh số 39)
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**8.478.519.181.688**	**9.811.971.702.117**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***38.348.696.296***	***34.494.839.492***
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		5.317.157.150	525.000.000
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn		4.000.000.000	4.000.000.000
216	3. Phải thu dài hạn khác	7	46.503.666.490	41.969.839.492
219	4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	8	(17.472.127.344)	(12.000.000.000)
220	***II. Tài sản cố định***		***5.462.593.961.444***	***5.854.864.117.634***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	4.478.036.884.064	4.843.868.582.223
222	Nguyên giá		9.163.284.050.415	9.001.467.079.128
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.685.247.166.351)	(4.157.598.496.905)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	984.557.077.380	1.010.995.535.411
228	Nguyên giá		1.098.567.100.615	1.113.838.027.652
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(114.010.023.235)	(102.842.492.241)
230	***III. Bất động sản đầu tư***	***16***	***66.481.409.593***	***45.648.186.191***
231	1. Nguyên giá		94.694.434.487	70.885.673.807
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(28.213.024.894)	(25.237.487.616)
240	***IV. Tài sản dở dang dài hạn***		***76.788.901.460***	***80.875.751.437***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	*15*	76.788.901.460	80.875.751.437
250	***V. Đầu tư tài chính dài hạn***	***17***	***1.938.640.880.750***	***2.220.151.475.157***
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		1.602.030.153.562	1.895.601.442.249
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		763.251.332.167	759.464.745.367
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(447.509.484.884)	(462.783.592.364)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		20.868.879.905	27.868.879.905
260	***VI. Tài sản dài hạn khác***		***895.665.332.145***	***1.575.937.332.206***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	756.355.605.445	626.304.930.215
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34.3	121.282.629.367	921.325.127.652
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		18.027.097.333	28.228.654.428
268	4. Tài sản dài hạn khác		-	78.619.911
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**19.192.865.179.330**	**22.010.308.414.163**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (đã được trình bày lại - Thuyết minh số 39)
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**6.759.685.108.734**	**9.920.583.668.202**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***6.473.888.596.700***	***9.173.056.802.574***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	1.876.185.779.562	1.559.694.153.515
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	490.295.652.849	381.635.895.798
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	803.768.788.712	4.261.381.333.594
314	4. Phải trả người lao động		265.148.741.919	217.025.547.432
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	375.961.711.691	357.981.763.636
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		800.000.000	1.720.977.778
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	23	1.288.893.414.226	1.042.860.443.900
320	8. Vay ngắn hạn	25	1.042.309.667.870	1.051.664.640.371
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	24	330.524.839.871	299.092.046.550
330	***II. Nợ dài hạn***		***285.796.512.034***	***747.526.865.628***
332	1. Người mua trả tiền trước dài hạn		22.183.449	-
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	800.000.000
337	3. Phải trả dài hạn khác	23	52.776.316.000	65.182.716.000
338	4. Vay dài hạn	25	164.412.285.558	610.451.263.039
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34.3	13.747.487.771	15.183.406.087
342	6. Dự phòng phải trả dài hạn		567.585.833	629.038.959
343	7. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		54.270.653.423	55.280.441.543

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (đã được trình bày lại - Thuyết minh số 39)
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**12.433.180.070.596**	**12.089.724.745.961**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***		***12.433.142.670.596***	***12.089.687.345.961***
411	1. Vốn cổ phần	26	6.412.811.860.000	6.412.811.860.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*6.412.811.860.000*	*6.412.811.860.000*
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu	26	3.208.666.226	3.208.666.226
415	3. Cổ phiếu quỹ	26	(23.450.000.000)	(25.550.000.000)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	26	17.006.600.079	14.239.683.180
418	5. Quỹ đầu tư phát triển	26	1.118.398.295.310	1.100.003.125.251
420	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		6.040.737.039	6.108.534.627
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	26	3.852.925.251.055	3.583.247.906.219
421a	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*2.229.887.250.407*	*266.507.414.640*
421b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*1.623.038.000.648*	*3.316.740.491.579*
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	27	1.046.201.260.887	995.617.570.458
430	***II. Nguồn kinh phí và quỹ khác***		***37.400.000***	***37.400.000***
431	1. Nguồn kinh phí		37.400.000	37.400.000
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**19.192.865.179.330**	**22.010.308.414.163**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

Hoàng Thanh Vân	Nguyễn Tiến Dũng	Lê Hồng Xanh
Người lập	Kế toán trưởng	Phụ trách Ban Điều hành

Ngày 9 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (đã được trình bày lại – Thuyết minh số 39)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	30.603.273.412.475	27.165.691.554.587
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	28.1	(34.595.644.700)	(21.389.967.243)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	30.568.677.767.775	27.144.301.587.344
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	29	(22.301.142.642.021)	(19.645.986.070.214)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.267.535.125.754	7.498.315.517.130
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28.2	751.041.069.989	418.646.983.429
22	7. Chi phí tài chính	30	(68.664.200.785)	(121.795.134.306)
23	*-Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(82.182.081.908)*	*(76.591.492.301)*
24	8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	17.2	305.649.678.623	372.253.576.001
25	9. Chi phí bán hàng	31	(2.781.731.453.998)	(2.682.965.745.154)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	(781.828.733.942)	(1.154.417.338.528)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.692.001.485.641	4.330.037.858.572
31	12. Thu nhập khác	32	128.295.160.294	132.650.025.073
32	13. Chi phí khác	32	(112.898.420.059)	(96.617.766.822)
40	14. Lợi nhuận khác	32	15.396.740.235	36.032.258.251
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.707.398.225.876	4.366.070.116.823
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	34.1	(254.202.906.344)	(1.069.232.104.128)
52	17. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	34.3	(798.606.579.969)	209.702.819.639
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		4.654.588.739.563	3.506.540.832.334

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (đã được trình bày lại – Thuyết minh số 39)
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		4.477.971.866.799	3.316.740.491.579
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		176.616.872.764	189.800.340.755
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	6.442	4.693
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	35	6.442	4.693

Hoàng Thanh Vân	Nguyễn Tiến Dũng	Lê Hồng Xanh
Người lập	Kế toán trưởng	Phụ trách Ban Điều hành

Ngày 9 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (đã được trình bày lại – Thuyết minh số 39)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận trước thuế**		**5.707.398.225.876**	**4.366.070.116.823**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình	13,14, 16	633.843.505.732	635.241.633.774
03	Các khoản (hoàn nhập) trích lập dự phòng		(7.126.993.043)	22.840.437.585
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.407.026	384.024.309
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.070.371.334.844)	(819.627.916.702)
06	Chi phí lãi vay	30	82.182.081.908	76.591.492.301
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**5.345.926.892.655**	**4.281.499.788.090**
09	Tăng các khoản phải thu		(106.157.403.769)	(105.417.374.006)
10	Tăng hàng tồn kho		(210.519.271.008)	(84.932.768.024)
11	Giảm các khoản phải trả		(2.728.864.307.435)	(670.960.706.553)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(54.335.072.441)	273.630.377.756
14	Tiền lãi vay đã trả		(87.165.769.568)	(80.326.998.764)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(984.037.331.258)	(1.211.869.431.681)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(347.987.375.203)	(243.887.887.842)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**826.860.361.973**	**2.157.734.998.976**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(280.897.550.560)	(308.673.187.526)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		40.502.081.658	4.037.308.250
23	Chi gửi tiền ngân hàng kỳ hạn		(3.034.021.174.216)	(473.591.606.830)
24	Tất toán tài khoản tiền gửi kỳ hạn và nhận gốc trái phiếu		809.466.940.162	569.067.236.337
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(27.824.678.187)	(118.026.720.800)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		581.149.667.139	64.794.970.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		800.680.330.240	645.050.304.869
30	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư**		**(1.110.944.383.764)**	**382.658.304.300**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước (đã được trình bày lại – Thuyết minh số 39)*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		5.820.025.630	7.000.000.000
33	Tiền thu từ đi vay		3.880.680.269.651	2.905.342.309.369
34	Tiền trả nợ gốc vay		(4.336.074.219.633)	(2.592.838.754.496)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả	26.3	(3.757.483.070.376)	(1.678.981.344.470)
40	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính**		**(4.207.056.994.728)**	**(1.359.477.789.597)**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(4.491.141.016.519)**	**1.180.915.513.679**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**7.935.974.303.078**	**6.755.058.789.399**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(7.842.056)	-
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**4**	**3.444.825.444.503**	**7.935.974.303.078**

Hoàng Thanh Vân	Nguyễn Tiến Dũng	Lê Hồng Xanh
Người lập	Kế toán trưởng	Phụ trách Ban Điều hành

Ngày 9 tháng 3 năm 2017